

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh P

Bản án số: 22/2024/HNGĐ-PT
Ngày: 23 - 4 - 2024
V/v: Tranh chấp tài sản chung
của vợ chồng sau ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NĐ

- **Thành phần Hội đồng xét xử P thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Dũng;

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Công

Ông Nguyễn Đ Cảnh

- **Thư ký phiên toà:** Ông Bùi Xuân Sơn - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh NĐ

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh NĐ tham gia phiên toà:** Bà Mai Bích

Huyền - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh NĐ mở phiên toà xét xử P thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 17/2023/TLPT-DS ngày 12/12/2023 về việc “Tranh chấp tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn”

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 412/2023/HNGĐ – ST ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố NĐ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử P thẩm số 195/2024/QĐXX - PT ngày 05 tháng 4 năm 2024.

*** Nguyên đơn:** Chị Trần Thị Kim H, sinh năm 1979; nơi cư trú: Tổ dân phố số 3 Phú Ốc, phường Lộc Hòa, thành phố NĐ, tỉnh NĐ;

*** Bị đơn:** Anh Trần Đình N, sinh năm 1976; nơi cư trú: Tổ dân phố số 3 Phú Ốc, phường Lộc Hòa, thành phố NĐ, tỉnh NĐ;

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1949; nơi cư trú: Tổ dân phố số 3 Phú Ốc, phường Lộc Hòa, thành phố NĐ, tỉnh NĐ.

2. Ông Trần Đình L, sinh năm 1950; nơi cư trú: Tổ dân phố số 3 Phú Ốc, phường Lộc Hòa, thành phố NĐ, tỉnh NĐ.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1949; nơi cư trú: Tổ dân phố số 3 Phú Ốc, phường Lộc Hòa, thành phố NĐ, tỉnh NĐ.

3. Anh Trần Trung PH, sinh năm 1976; nơi cư trú: Tổ dân phố số 3 Phú Ốc, phường Lộc Hòa, thành phố ND, tỉnh ND.
4. Chị Phạm Thị L1, sinh năm 1978; nơi cư trú: Tổ dân phố số 3 Phú Ốc, phường Lộc Hòa, thành phố ND, tỉnh ND.
5. Ông Trần Trọng T, sinh năm 1964; nơi đăng ký thường trú: Tổ dân phố số 3 Phú Ốc, phường Lộc Hòa, thành phố ND, tỉnh ND; nơi cư trú: Tổ dân phố số 1 Lương Xá, phường Lộc Hòa, thành phố ND, tỉnh ND.
6. Bà Trần Thị H1, sinh năm 1966; nơi đăng ký thường trú: Tổ dân phố số 3 Phú Ốc, phường Lộc Hòa, thành phố ND, tỉnh ND; nơi cư trú: Tổ dân phố số 1 Lương Xá, phường Lộc Hòa, thành phố ND, tỉnh ND.
7. Chị Trần Thị L2, sinh năm 1984; nơi đăng ký thường trú: Thôn Bắc Hợp, ấp An Chu, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú: Đường Tân Thành - An Chu, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.
8. Chị Trần Thị T, sinh năm 1992; nơi cư trú: Tổ dân phố số 3 Phú Ốc, phường Lộc Hòa, thành phố ND, tỉnh ND.
9. Bà Trần Thị M, sinh năm 1957; nơi cư trú: Thôn Vị Việt, xã Mỹ Tiên, huyện Mỹ Lộc, tỉnh ND.
10. Ông Trần Văn P, sinh năm 1956; nơi cư trú: Thôn Vị Việt, xã Mỹ Tiên, huyện Mỹ Lộc, tỉnh ND.
- Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị M, sinh năm 1957; nơi cư trú: Thôn Vị Việt, xã Mỹ Tiên, huyện Mỹ Lộc, tỉnh ND.
11. Anh Trần Văn PH, sinh năm 1976; nơi cư trú: Thôn Vị Việt, xã Mỹ Tiên, huyện Mỹ Lộc, tỉnh ND.
12. Ông Trần Ngọc G, sinh năm 1949; nơi cư trú: Số 6/5/48 đường Nguyễn Văn Trỗi, phường Năng Tĩnh, thành phố ND, tỉnh ND.
13. Chị Phạm Thị Đoan T3, sinh năm 1979; nơi cư trú: Số 21/45 đường L Văn Hưu, khu đô thị Hòa Vượng, phường Lộc Hòa, thành phố ND, tỉnh ND.
14. Bà Trần Thị H4, sinh năm 1944; nơi cư trú: Tổ 3, khu 2, phường Yết Kiêu, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.
15. Ngân hàng tH mại cổ phần Phát triển thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ trụ sở: Số 25 đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc Thanh - chức vụ: Tổng giám đốc; người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Đ Thiệp - chức vụ: Giám đốc chi nhánh HDBank ND.

Người đại diện theo ủy quyền lại:

- Ông Trần Minh Đ - chức vụ: Trưởng phòng khách hàng cá nhân, chi nhánh HDBank ND.

- Ông Ngô Văn T - chức vụ: C viên quản lý khách hàng cá nhân, chi nhánh HDBank ND.

16. Ngân hàng tH mại cổ phần Hàng Hải Việt N; địa chỉ trụ sở: Số 54A đường Nguyễn Chí Thanh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoàng Linh - chức vụ: Tổng giám đốc; người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Vân Thanh - chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng tH mại cổ phần Hàng Hải Việt N chi nhánh ND.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Bùi Đình Hùng - chức vụ: Giám đốc quan hệ khách hàng cá nhân Ngân hàng tH mại cổ phần Hàng Hải Việt N chi nhánh ND.

*** Người kháng cáo:** Anh Trần Đình N là bị đơn trong vụ án.

Tại phiên tòa có mặt chị H, anh N, bà C, anh Trần Trung PH, bà M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện nộp ngày 22-5-2022 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là chị Trần Thị Kim H trình bày:

Chị và anh Trần Đình N tổ chức lễ cưới vào ngày 13-5-2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Hòa, thành phố ND, tỉnh ND vào ngày 05-8-2001. Đến năm 2017 thì chị và anh Trần Đình N xảy ra mâu Tẫn trầm trọng và sống ly thân, tiền của ai thì người đó sử dụng riêng. Đến ngày 13-01-2022 thì chị và anh Trần Đình N đã được Tòa án nhân dân thành phố ND giải quyết cho ly hôn theo Quyết định công nhận Tận tình ly hôn số 11/2022/QĐST-HNGĐ. Tại thời điểm ly hôn, Tòa án chưa giải quyết việc chia tài sản chung và các khoản nợ của vợ chồng.

* Từ cuối năm 2000, khi chị và anh Trần Đình N chuẩn bị kết hôn, ông Trần Đình L và bà Nguyễn Thị C đã nói sẽ cho vợ chồng thừa đất số 125, tờ bản đồ số 13.4 phường Lộc Hòa, thành phố ND, tỉnh ND. Vì vậy chị và anh Trần Đình N bàn nhau sẽ xây nhà trước khi cưới. Anh Trần Đình N đã thế chấp lương để vay Ngân hàng 6.000.000 đồng; chị vay của mẹ đẻ là bà Trần Thị M 10.000.000 đồng; chị và anh Trần Đình N cùng vay chị H 15.000.000 đồng để xây nhà. Khoảng tháng 11/2000 thì chị và anh Trần Đình N đã lấp ao, mua gạch ngói, vật liệu để xây căn nhà cấp 4 nằm sát ngõ đi hiện tại. Sau khi xây nhà xong khoảng 01 tháng thì chị và anh Trần Đình N tổ chức lễ cưới.

* Sau khi đã kết hôn, chị và anh Trần Đình N còn tạo lập được các tài sản chung, cụ thể gồm:

- Ngày 04-8-2007, chị và anh Trần Đình N đã mua của ông Trần Đình Dị một thửa ruộng tại khu Mỹ Đồng có diện tích 917m², trên đó có 01 nhà cấp 4 (hiện tại đã sập mái, còn tường). Giá mua thửa ruộng này là 16.000.000 đồng. Toàn bộ tiền mua ruộng là của hai vợ chồng thế chấp lương vay tiền của Ngân hàng để mua, không có ai khác đóng góp. Thửa ruộng này được ghi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trần Đình Dị, chưa làm thủ tục sang tên cho chị và anh Trần Đình N.

- Ngày 04-3-2008, chị và anh Trần Đình N đã mua của ông Trần Đình Dị một thửa đất vườn tại khu Mỹ Đồng có diện tích 156,9m². Giá mua thửa đất vườn này là 10.000.000 đồng. Toàn bộ tiền mua đất là của hai vợ chồng cùng vay Ngân hàng để mua, không có ai khác đóng góp. Thửa đất vườn này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Chị và anh Trần Đình N đã làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất, đã có hồ sơ đo đạc ngày 05-5-2008. Theo hồ sơ đo đạc thì thửa đất có số thửa 169, tờ bản đồ số 13.4, diện tích 231,3m². Nguyên nhân diện tích thửa đất vườn có thay đổi là đã lấy thêm một phần ngõ và một phần diện tích thửa đất ruộng đã mua trước đó của ông Trần Đình Dị vào năm 2007.

- Ngày 26-4-2009, chị và anh Trần Đình N đã mua của ông Trần Trọng T một thửa ruộng tại khu Mỹ Đồng có diện tích 295m². Giá mua thửa ruộng này là 15.000.000 đồng. Toàn bộ tiền mua ruộng là của hai vợ chồng cùng vay Ngân hàng để mua, không có ai khác đóng góp. Thửa ruộng này được ghi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trần Trọng T, chưa làm thủ tục sang tên cho chị và anh Trần Đình N.

Sau khi mua đất, chị và anh Trần Đình N đã đào ao và dùng chính đất đó để vượt lập các diện tích đất ruộng thành đất vườn như hiện tại, đồng thời còn xây dần tường bao xung quanh các thửa đất ruộng đã mua. Chi phí cải tạo đất ruộng là của hai vợ chồng, hầu hết gạch xây tường bao là được bố mẹ đẻ chị cho. Công sức vượt lập đất thì do chị làm là chủ yếu.

- Đầu năm 2011, chị và anh Trần Đình N đã hỏi ý kiến và được ông Trần Đình L, bà Nguyễn Thị C đồng ý cho vợ chồng xây căn nhà mới trên thửa đất số 125, tờ bản đồ số 13.4 phường Lộc Hòa, thành phố ND, tỉnh ND. Khoảng tháng 3/2011 chị và anh Trần Đình N bắt đầu khởi công xây dựng căn nhà bê-tông 2,5 tầng. Tình trạng nhà đã xây trát xong, chưa lắp đủ thiết bị, chưa sơn tường. Tiền xây dựng nhà cụ thể hết bao nhiêu chị không nhớ rõ, nhưng vợ chồng có vay của bà Trần Thị M, ông Trần Văn P số tiền 105.000.000 đồng, 08 chỉ vàng và 4 vạn viên gạch; vay bà Trần Thị H4 số tiền 50.000.000 đồng; vay bà Nguyễn Thị C 2,5 chỉ

vàng. Ngoài ra không vay mượn ai khác. Từ sau khi xây dựng cho đến nay, chị và anh Trần Đình N vẫn đang sử dụng căn nhà. Chị không biết việc ông Trần Đình L, bà Nguyễn Thị C đã chuyển nhượng toàn bộ thửa đất số 125, tờ bản đồ số 13.4, trên đó có căn nhà cho anh Trần Trung PH; sau đó anh Trần Trung PH đã thế chấp toàn bộ nhà đất cho Ngân hàng HDBank để vay tiền.

Đối với các tài sản là đồ dùng sinh hoạt khác có giá trị không lớn nên chị Trần Thị Kim H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về nghĩa vụ chung của vợ chồng, chị và anh Trần Đình N có các khoản nợ chung như sau:

Tại thời điểm năm 2017, giữa chị và anh Trần Đình N đã xảy ra mâu thuẫn, hai bên bắt đầu sống ly thân, tiền của ai người đó quản lý, sử dụng riêng. Vì vậy chị và anh Trần Đình N đã thống nhất lập bảng kê các khoản nợ vào ngày 04-10-2017. Bảng kê này ghi nhận tổng cộng 19 khoản nợ từ năm 2017 trở về trước, ghi mục đích vay nợ và được hai bên xác nhận là các khoản nợ chung của vợ chồng. Chị và anh Trần Đình N cũng đã tự chia các khoản nợ, mỗi bên chịu trách nhiệm thanh toán 1/2 số nợ chung của vợ chồng.

- Cụ thể chị chịu trách nhiệm trả các khoản nợ: Vay thế chấp sổ lương của chị tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - chi nhánh huyện Mỹ Lộc số tiền 45.000.000 đồng; vay chị Trần Thị Quyên số tiền 20.000.000 đồng; vay bà Trần Thị Liên (Yên) số tiền 8.000.000 đồng; vay bà Trần Thị M số tiền 105.000.000 đồng và 4 vạn gạch (quy đổi thành 40.000.000 đồng); vay ông Trần Văn P 08 chỉ vàng (tương đương 28.000.000 đồng); vay anh Trần Văn PH 03 chỉ vàng (tương đương 10.500.000 đồng); vay chị Phạm Thị Đoan T3 số tiền 1.000.000 đồng; vay bà Trần Thị Chải 02 cây vàng (tương đương 78.000.000 đồng); vay ông Trần Ngọc G số tiền 2.000.000 đồng; vay bà Thông số tiền 1.000.000 đồng. Tổng cộng số nợ chung mà chị chịu trách nhiệm trả là 338.500.000 đồng.

- Anh Trần Đình N chịu trách nhiệm trả các khoản nợ: Vay thế chấp sổ lương của anh Trần Đình N số tiền 120.000.000 đồng tại Quỹ tín dụng nhân dân trung ương và Ngân hàng Hàng Hải; nợ vay vốn cH trình nước sạch của Ngân hàng Chính sách xã hội số tiền 10.600.000 đồng; vay chị Trần Thị Kim Oanh (con gái bà Yên) số tiền 15.000.000 đồng; vay chị Trần Thị Quế số tiền 10.000.000 đồng; vay bà Trần Thị L1 số tiền 95.000.000 đồng; vay bà Trần Thị H4 số tiền 47.000.000 đồng; vay bà Nguyễn Thị C 7.000.000 đồng; vay chị Phạm Thị Đoan T3 số tiền 3.500.000 đồng; vay anh Thắng số tiền 30.000.000 đồng. Tổng cộng số nợ chung mà anh Trần Đình N chịu trách nhiệm trả là 338.100.000 đồng.

Sau khi đã phân chia các khoản nợ chung, chị đã tự trả các khoản nợ tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - chi nhánh huyện Mỹ Lộc số tiền là 45.000.000 đồng; khoản nợ của bà Trần Thị Chải là 78.000.000 đồng; khoản nợ của bà Trần Thị Liên (Yên) là 8.000.000 đồng; khoản nợ của chị Trần Thị Quyên là 20.000.000 đồng; khoản nợ của chị Trần Thị Quế là 10.000.000 đồng; khoản nợ chị Trần Thị Kim Oanh (con gái bà Yên) là 15.000.000 đồng; khoản nợ vay vốn CH trình nước sạch của Ngân hàng Chính sách xã hội là 10.600.000 đồng; trả bà Trần Thị H4 số tiền là 2.200.000 đồng. Tổng cộng chị đã trả được tổng cộng số tiền nợ là 188.800.000 đồng.

Riêng khoản nợ Ngân hàng, thế chấp thửa đất số 125, tờ bản đồ số 13.4 đều sử dụng cho mục đích cá nhân của anh Trần Đình N, không sử dụng gì cho gia đình, chị cũng không tham gia ký kết hợp đồng vay tiền với Ngân hàng nên chị và anh Trần Đình N thống nhất không liệt kê là khoản nợ chung của vợ chồng để xác định nghĩa vụ trả nợ của mỗi bên.

Hiện tại, chị Trần Thị Kim H yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng và các khoản nợ chung của vợ chồng đã được hai bên xác nhận theo quy định của pháp luật. Đối với các khoản nợ mà chị đã trả thay cho anh Trần Đình N thì anh Trần Đình N phải trả lại cho chị. Trường hợp Tòa án xác định các hợp đồng mua bán ruộng là vô hiệu thì yêu cầu Tòa án giải quyết H4 quả hợp đồng vô hiệu theo quy định của pháp luật.

2. Trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn là anh Trần Đình N trình bày:

Anh và chị Trần Thị Kim H tổ chức lễ cưới vào ngày 13-5-2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Hòa, thành phố ND, tỉnh ND vào ngày 05-8-2001. Đến cuối năm 2017, khi chị Trần Thị Kim H làm đơn xin ly hôn thì anh và chị Trần Thị Kim H có lập giấy thỏa Tận về tài sản nhưng sau đó do chị Trần Thị Kim H rút đơn ly hôn nên không thực hiện thỏa Tận này nữa, kinh tế gia đình vẫn không tách bạch riêng. Đến ngày 13-01-2022 thì anh và chị Trần Thị Kim H đã được Tòa án nhân dân thành phố ND giải quyết cho ly hôn theo Quyết định công nhận Tận tình ly hôn số 11/2022/QĐST-HNGĐ. Tại thời điểm ly hôn, Tòa án chưa giải quyết việc chia tài sản chung và các khoản nợ của vợ chồng.

* Về tài sản chung của anh và chị Trần Thị Kim H cụ thể như sau:

- Khi anh và chị Trần Thị Kim H chuẩn bị kết hôn thì ông Trần Đình L, bà Nguyễn Thị C bảo anh sang thửa đất 125, tờ bản đồ số 13.4 phường Lộc Hòa, thành phố ND, tỉnh ND để xây nhà riêng. Đây là thửa đất của ông Trần Đình L và bà Nguyễn Thị C được thừa kế. Vì vậy khoảng cuối năm 2000, anh đã tiến hành đổ đất san lấp ao và xây căn nhà cấp 4. Tiền xây nhà hoàn toàn của anh bỏ ra, có một phần

hỗ trợ của bố mẹ và em trai là anh Trần Trung PH. Gia đình bà Trần Thị M có cho 01 bộ vì kèo bằng gỗ xoan. Chị Trần Thị Kim H không đóng góp gì trong việc xây căn nhà cấp 4 này, cũng không có việc anh và chị Trần Thị Kim H cùng nhau đi vay tiền để xây nhà.

- Ngày 04-8-2007, anh và chị Trần Thị Kim H đã mua của ông Trần Đình Dị một thửa ruộng tại khu Mỹ Đồng có diện tích 917m², trên đó có 01 nhà cấp 4 (hiện tại đã sập mái, còn tường). Giá mua thửa ruộng này là 16.000.000 đồng. Toàn bộ tiền mua ruộng là của hai vợ chồng thế chấp lương vay của Ngân hàng để mua, không có ai khác đóng góp. Thửa ruộng này được ghi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trần Đình Dị, chưa làm thủ tục sang tên cho anh và chị Trần Thị Kim H.

- Ngày 04-3-2008, anh và chị Trần Thị Kim H đã mua của ông Trần Đình Dị một thửa đất vườn tại khu Mỹ Đồng có diện tích 156,9m². Giá mua thửa đất vườn này là 10.000.000 đồng. Toàn bộ tiền mua đất là của hai vợ chồng cùng vay Ngân hàng để mua, không có ai khác đóng góp. Thửa đất vườn này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Anh và chị Trần Thị Kim H đã làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất, đã có hồ sơ đo đạc ngày 05-5-2008. Theo hồ sơ đo đạc thì thửa đất có số thửa 169, tờ bản đồ số 13.4, diện tích 231,3m². Nguyên nhân diện tích thửa đất vườn có thay đổi là đã lấy thêm một phần ngõ và một phần diện tích của thửa đất ruộng đã mua trước đó của ông Trần Đình Dị vào năm 2007.

- Ngày 26-4-2009, anh và chị Trần Thị Kim H đã mua của ông Trần Trọng T một thửa ruộng tại khu Mỹ Đồng có diện tích 295m². Giá mua thửa ruộng này là 15.000.000 đồng. Toàn bộ tiền mua ruộng là của hai vợ chồng cùng vay Ngân hàng để mua, không có ai khác đóng góp. Thửa ruộng này được ghi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trần Trọng T, chưa làm thủ tục sang tên cho anh và chị Trần Thị Kim H.

Sau khi mua đất, anh và chị Trần Thị Kim H đã xây dần tường bao xung quanh các thửa đất ruộng đã mua. Hầu hết gạch xây tường bao là xin của bà Trần Thị M và ông Trần Văn P. Công xây tường bao là chủ yếu do bố anh là ông Trần Đình L làm giúp. Công sức vượt lập, cải tạo thành đất vườn thì do cả hai vợ chồng cùng làm.

- Đầu năm 2011, ông Trần Đình L và bà Nguyễn Thị C đã đồng ý cho anh và chị Trần Thị Kim H xây căn nhà mới trên thửa đất 125, tờ bản đồ số 13.4. Khoảng tháng 4/2011 anh và chị Trần Thị Kim H bắt đầu khởi công xây dựng căn nhà, nhưng không xin phép xây dựng. Căn nhà xây khung bê-tông chịu lực, diện tích tầng 1 và tầng 2 khoảng 70m², tầng 3 bao gồm ô cầu thang bê-tông 18m² và sân

phoi lợp tôn 19m². Tình trạng nhà đã xây trát xong, chưa lắp đủ thiết bị, chưa sơn tường. Tiền xây dựng nhà hết tổng cộng bao nhiêu anh không nhớ rõ, nhưng khi bắt đầu xây nhà thì vợ chồng hoàn toàn không có sẵn tiền mặt. Tiền xây nhà có được từ các nguồn: Thế chấp lương của anh để vay Ngân hàng Hàng Hải số tiền 100.000.000 đồng và vay Ngân hàng Hợp tác xã số tiền 70.000.000 đồng; vay bà Trần Thị M số tiền 105.000.000 đồng; vay bà Trần Thị L1 nhiều lần, tổng cộng tại thời điểm chốt nợ năm 2017 là 95.000.000 đồng. Ngoài ra còn vay nhiều người khác nhưng không nhớ hết và không có tài liệu chứng minh. Tiền xây nhà còn sử dụng khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là 100.000.000 đồng do ông Trần Đình L đứng Ln vay hộ. Trong các khoản vay xây nhà, anh đã trả Ngân hàng Hàng Hải gần hết (còn nợ khoảng 10.000.000 đồng); trả hết nợ cho Ngân hàng Hợp tác xã; trả bà Trần Thị L1 được 87.000.000 đồng, còn nợ lại 8.000.000 đồng. Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là 100.000.000 đồng thì chưa trả được cả gốc và lãi, nhưng đã được đảo nợ nhiều lần, khoản vay sau thay cho khoản vay trước, Ngân hàng này thay cho Ngân hàng khác. Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp hiện tại đang tương ứng với khoản vay đứng tên anh Trần Trung PH tại Ngân hàng HDbank là 600.000.000 đồng.

Năm 2017, anh và chị Trần Thị Kim H đã nộp đơn ly hôn. Tòa án đã yêu cầu vợ chồng tự thỏa Tận về tài sản và các khoản nợ. Tháng 10/2017, anh và chị Trần Thị Kim H thỏa Tận là đất ruộng sẽ chia đôi; căn nhà sẽ để lại cho anh sở hữu và anh chịu trách nhiệm trả toàn bộ khoản nợ Ngân hàng thời điểm đó là 450.000.000 đồng; các số nợ khác thì chia đôi. Do vậy trong danh sách liệt kê 19 khoản nợ không ghi khoản nợ Ngân hàng. Tuy nhiên sau khi thỏa Tận về tài sản và các khoản nợ thì chị Trần Thị Kim H lại không làm thủ tục ly hôn nên cũng không thực hiện thỏa Tận này nữa. Cũng từ năm 2017 chị Trần Thị Kim H không hợp tác để tiếp tục vay tiền Ngân hàng, vì vậy anh phải nhờ ông Trần Đình L đứng ra vay Ngân hàng để đảo nợ cho khoản nợ cũ là 450.000.000 đồng. Năm 2021, trước khi anh và chị Trần Thị Kim H ly hôn thì gia đình có bàn bạc, ông Trần Đình L đưa quan điểm sẽ sang tên thửa đất số 125 cho anh và chị Trần Thị Kim H, với điều kiện cả hai phải nhận trách nhiệm trả nợ Ngân hàng và cắt lại phần diện tích căn nhà cấp 4 cho ông Trần Đình L, bà Nguyễn Thị C. Tuy nhiên chị Trần Thị Kim H không đồng ý. Do vậy ông Trần Đình L, bà Nguyễn Thị C mới sang tên cho anh Trần Trung PH toàn bộ thửa đất số 125, để anh Trần Trung PH đứng ra thế chấp thửa đất vay số tiền 600.000.000 đồng của Ngân hàng HDbank.

Do chị Trần Thị Kim H không thực hiện thỏa Tận về việc chia nhà và đất ruộng, không công nhận khoản nợ Ngân hàng HDbank là khoản nợ chung của vợ chồng nên hiện tại anh đề nghị Tòa án không công nhận bảng kê các khoản nợ ngày

04-10-2017 được lập giữa anh và chị Trần Thị Kim H. Trong các khoản nợ của bảng kê, anh chỉ công nhận khoản vay thế chấp lương của anh tại 2 Ngân hàng, khoản vay của chị Trần Thị Kim H tại Ngân hàng Nông nghiệp, khoản vay bà Trần Thị L1 là 95.000.000 đồng, khoản vay bà Trần Thị M và ông Trần Văn P là 105.000.000 đồng, khoản vay cH trình nước sạch 10.600.000 đồng, khoản nợ bà Quế là 10.000.000 đồng, khoản nợ anh Thắng là 30.000.000 đồng. Các khoản nợ khác thì anh không công nhận.

Anh Trần Đình N đề nghị Tòa án chia tài sản chung và các khoản nợ của anh và chị Trần Thị Kim H theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp chị Trần Thị Kim H yêu cầu chia căn nhà 2,5 tầng thì anh yêu cầu Tòa án xác định khoản nợ nhờ anh Trần Trung PH đứng ra vay Ngân hàng HDBank là 600.000.000 đồng để đảo nợ cho các khoản nợ của Ngân hàng cũ là khoản nợ chung của vợ chồng. Về các thửa ruộng đã mua của ông Trần Đình Dị và ông Trần Trọng T, nếu Tòa án xác định là không hợp pháp thì anh sẽ tự thỏa Tận giải quyết với các chủ ruộng. Trường hợp không thỏa Tận được thì anh sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết sau.

3. Trong quá trình tham gia tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (đồng thời là người đại diện theo pháp luật của ông Trần Đình L) là bà Nguyễn Thị C trình bày:

Bà và ông Trần Đình L là bố mẹ đẻ của anh Trần Đình N. Vào cuối năm 2000, khi anh Trần Đình N và chị Trần Thị Kim H chuẩn bị cưới, vợ chồng bà đã đồng ý để anh Trần Đình N xây căn nhà cấp 4 trên thửa đất 125, tờ bản đồ số 13.4 phường Lộc Hòa, thành phố ND, tỉnh ND của vợ chồng bà. Việc san lấp ao để làm nhà là do vợ chồng bà làm. Tiền xây nhà là hoàn toàn của anh Trần Đình N, bà là người trực tiếp giữ hộ tiền để chi tiêu trong quá trình làm nhà. Bố đẻ chị Trần Thị Kim H là ông Trần Văn P có cho một vài cây xoan để làm vì kèo. Chị Trần Thị Kim H thỉnh thoảng cũng có đến giúp về công sức trong thời gian làm nhà, nhưng không đóng góp gì về tiền bạc, cũng không có việc gia đình bà Trần Thị M cho anh Trần Đình N vay tiền làm nhà.

Đầu năm 2011 thì bố đẻ chị Trần Thị Kim H là ông Trần Văn P có nói là chị Trần Thị Kim H và anh Trần Đình N đã làm cùng với gia đình ông Trần Văn P được 6 vạn gạch. Vì vậy ông Trần Văn P nói với ông Trần Đình L để chị Trần Thị Kim H và anh Trần Đình N xây căn nhà mới, thiếu bao nhiêu gạch thì ông Trần Văn P sẽ cho thêm. Sau đó vài ngày thì chị Trần Thị Kim H có xin phép ông Trần Đình L để xây nhà. Ban đầu ông Trần Đình L yêu cầu anh Trần Đình N và chị Trần Thị Kim H xây nhà trên thửa đất đã mua của ông Trần Đình Dị, nhưng sau đó đã đồng ý để cho xây trên thửa đất số 125. Toàn bộ tiền xây nhà là của anh Trần Đình N và chị Trần

Thị Kim H, cụ thể như thế nào thì bà không rõ, nhưng bà có cho vay 2,5 chỉ vàng và 20.000.000 đồng. Số tiền 20.000.000 đồng thì bà đưa cho anh Trần Đình N 17.000.000 đồng và đưa cho chị Trần Thị Kim H 3.000.000 đồng. Sau khi xây nhà xong, do bị đòi nợ nhiều nên chị Trần Thị Kim H và anh Trần Đình N đã nhờ vợ chồng bà thế chấp đất cho Ngân hàng để trả nợ. Bà và ông Trần Đình L đã thế chấp thửa đất số 125 để vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn số tiền 100.000.000 đồng đưa cho anh Trần Đình N và chị Trần Thị Kim H trả nợ. Sau này anh Trần Đình N và chị Trần Thị Kim H không trả được tiền nợ gốc và lãi của khoản vay này, đồng thời còn phải vay thêm tiền để làm những việc khác như xây T3 trại, mua xe máy, lấy tiền đi chữa bệnh cho chị Trần Thị Kim H nên đến năm 2017 thì số nợ Ngân hàng đã tăng Ln đến 450.000.000 đồng. Từ năm 2017 do phải vay lãi ngoài để đảo nợ, để trả lãi Ngân hàng nên khoảng tháng 7/2021 bà và ông Trần Đình L đã làm thủ tục chuyển nhượng thửa đất số 125 cho em trai anh Trần Đình N là anh Trần Trung PH để nhờ anh Trần Trung PH đứng ra vay Ngân hàng 600.000.000 đồng.

Hiện tại, bà Nguyễn Thị C đề nghị Tòa án giải quyết khoản vay 2,5 chỉ vàng theo quy định của pháp luật; số tiền 20.000.000 đồng do chị Trần Thị Kim H và anh Trần Đình N không thừa nhận nên bà rút yêu cầu đòi nợ số tiền này. Riêng đối với khoản vay Ngân hàng để trả nợ xây nhà và tiền lãi tăng Ln thì bà yêu cầu anh Trần Đình N và chị Trần Thị Kim H phải chịu trách nhiệm với số tiền vay Ngân hàng HDbank tại thời điểm hiện tại là 600.000.000 đồng và lãi phát sinh.

4. Trong quá trình tham gia tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Trần Trung PH trình bày:

Anh là em trai của anh Trần Đình N. Sự việc trước đó liên quan đến hôn nhân và tài sản của anh Trần Đình N và chị Trần Thị Kim H thì anh không biết cụ thể. Anh chỉ biết từ khoảng năm 2017 thì anh Trần Đình N và chị Trần Thị Kim H sống ly thân. Từ thời gian đó anh Trần Đình N chịu trách nhiệm trả nợ lãi cho khoản vay Ngân hàng, thế chấp bằng thửa đất số 125, tờ bản đồ số 13.4 mang tên ông Trần Đình L và bà Nguyễn Thị C. Đến năm 2021 thì việc trả nợ cho Ngân hàng bị chậm trễ, đã có thông báo của Ngân hàng về việc không trả nợ thì sẽ phát mại thửa đất để T hồi nợ. Vì vậy đến giữa tháng 7/2021 anh đã phải nhận chuyển nhượng thửa đất số 125, sau đó thế chấp thửa đất cho Ngân hàng HDbank để vay số tiền 600.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền này anh giao cho anh Trần Đình N để trả các khoản nợ Ngân hàng và các chi phí khác trước đó. Cụ thể ngoài việc trả số nợ gốc cho Ngân hàng là 450.000.000 đồng, anh Trần Đình N còn phải trả rất nhiều khoản khác như khoản vay lãi ngoài để trả lãi Ngân hàng, vay lãi ngoài để đảo nợ, làm thủ tục chuyển nhượng... Hiện tại nếu anh Trần Đình N và chị Trần Thị Kim H nhận giá trị xây dựng của

ngôi nhà thì anh yêu cầu anh Trần Đình N và chị Trần Thị Kim H phải chịu trách nhiệm trả khoản nợ Ngân hàng HDBank là 600.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh. Trường hợp nếu anh Trần Đình N và chị Nguyễn Thị Kim H không nhận trách nhiệm trả nợ Ngân hàng HDBank thì đề nghị Tòa án giao cho anh sở hữu toàn bộ giá trị phần xây dựng căn nhà, đồng thời anh sẽ chịu trách nhiệm trả toàn bộ khoản nợ Ngân hàng mà anh đang đứng ra vay hộ cho anh Trần Đình N và chị Trần Thị Kim H.

5. Trong quá trình tham gia tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Trọng T và bà Trần Thị H1 trình bày:

Vợ chồng ông (Trần Trọng T và Trần Thị H1) được chia một số thửa ruộng vào năm 1993 nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến ngày 26-4-2009, vợ chồng ông có bán cho vợ chồng anh Trần Đình N và chị Trần Thị Kim H một mảnh ruộng diện tích 295m² ở vị trí giáp thửa đất của nhà anh Trần Đình N, chị Trần Thị Kim H với giá 12.000.000 đồng. Khi hai bên mua bán ruộng, do chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên vợ chồng ông chỉ viết giấy bán ruộng viết tay, có ông Trần Đ Luật - Đội trưởng đội 8, xã Lộc Hòa ký xác nhận. Vợ chồng ông đã nhận đủ số tiền bán ruộng và bàn giao mảnh ruộng cho anh Trần Đình N và chị Trần Thị Kim H quản lý, sử dụng từ đó cho đến nay. Sau này mảnh ruộng đã bán cho anh Trần Đình N và chị Trần Thị Kim H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tuy nhiên vợ chồng ông cũng chưa làm thủ tục tách thửa đối với diện tích ruộng đã bán cho anh Trần Đình N và chị Trần Thị Kim H.

Hiện tại, vợ chồng ông xác định thửa ruộng 295m² đã bán cho anh Trần Đình N và chị Trần Thị Kim H, đã nhận đủ tiền bán ruộng nên vợ chồng ông không còn quyền lợi gì đối với thửa ruộng này nữa. Các tranh chấp trong vụ án thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

6. Trong quá trình tham gia tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Trần Thị L2 trình bày:

Chị là con gái ông Trần Đình Ry (Dị), đã chết ngày 23-4-2008, nơi cư trú trước khi chết: Tổ dân phố số 3, phường Lộc Hòa, thành phố NĐ, tỉnh NĐ. Ông Trần Đình Ry có vợ là bà Trần Thị Nguyệt, đã ly hôn năm 2005. Ngoài chị ra, ông Trần Đình Ry còn một người con đẻ khác là chị Trần Thị T, sinh năm 1992, hiện đã đi làm ăn xa, không còn liên lạc với gia đình từ năm 2015.

Ông Trần Đình Ry có một số thửa đất vườn, đất ruộng do được nhà nước cấp, là tài sản riêng của ông Trần Đình Ry. Năm 2007 ông Trần Đình Ry có bán cho anh Trần Đình N và chị Trần Thị Kim H thửa ruộng số 40/2, tờ bản đồ số 3, phường Lộc Hòa, thành phố NĐ, tỉnh NĐ. Ngoài ra chị còn nghe nói bố chị còn bán mảnh đất

vườn có diện tích 156,9m² và 75m² tại địa chỉ: Tổ dân phố số 3 Phú Ốc, phường Lộc Hòa, thành phố ND, tỉnh ND cho anh Trần Đình N và chị Trần Thị Kim H. Những việc bán đất ruộng, đất vườn nói trên thì chị chỉ nghe nói lại, không trực tiếp chứng kiến. Tuy nhiên chị xác nhận chữ ký của ông Trần Đình Ry và chị Trần Thị T trong các giấy bán đất là đúng. Từ sau khi ông Trần Đình Ry chuyển nhượng các thửa đất ruộng, đất vườn cho anh Trần Đình N và chị Trần Thị Kim H cho đến nay thì giữa các bên không xảy ra tranh chấp gì.

Hiện tại chị không có ý kiến gì đối với việc ông Trần Đình Ry đã bán đất ruộng, đất vườn và không có yêu cầu nào khác đề nghị Tòa án giải quyết.

7. Trong quá trình tham gia tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Văn P) là bà Trần Thị M trình bày:

Cuối năm 2000, khi anh Trần Đình N và chị Trần Thị Kim H chuẩn bị cưới, gia đình ông Trần Đình L đã đồng ý để anh Trần Đình N và chị Trần Thị Kim H san lấp ao, xây nhà cấp 4 trên thửa đất 125, tờ bản đồ số 13.4 phường Lộc Hòa, thành phố ND, tỉnh ND để có chỗ ở sau khi cưới. Gia đình bà đã đưa 3 bộ vì kèo bằng gỗ soan, đồng thời Tê thợ mộc xuống trực tiếp làm. Về tiền thì bà có đưa cho chị Trần Thị Kim H vay số tiền 10.000.000 đồng để làm nhà. Đến năm 2014, anh Trần Đình N còn lấy thêm của gia đình bà một số vì kèo sắt, ngói bro-xi măng và khoảng 3.000 viên gạch để sửa chữa căn nhà cấp 4 này.

Năm 2011, khi anh Trần Đình N và chị Trần Thị Kim H xây căn nhà 2 tầng 1 tum trên thửa đất số 125 thì đã vay của gia đình bà 40.000 viên gạch đỏ. Ngoài ra bà còn trực tiếp cho vợ chồng anh Trần Đình N và chị Trần Thị Kim H vay số tiền 105.000.000 đồng. Ông Trần Văn P cho vay 09 chỉ vàng, sau này hứa cho 01 chỉ vàng nên anh Trần Đình N và chị Trần Thị Kim H còn nợ 08 chỉ vàng. Tất cả những lần vay nợ thì đều không có giấy biên nhận. Cho đến nay, anh Trần Đình N và chị Trần Thị Kim H vẫn chưa trả toàn bộ số nợ này.

Hiện tại bà và ông Trần Văn P yêu cầu Tòa án giải quyết việc vay nợ giữa hai bên theo quy định của pháp luật. Vợ chồng bà không yêu cầu tính lãi đối với các khoản nợ.

8. Trong quá trình tham gia tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Trần Văn PH trình bày:

Anh là anh trai của chị Trần Thị Kim H. Vào năm 2013, anh có cho vợ chồng chị Trần Thị Kim H vay 03 chỉ vàng để đi chữa bệnh cho chị Trần Thị Kim H. Việc

vay nợ không có giấy biên nhận. Cho đến nay, anh Trần Đình N và chị Trần Thị Kim H chưa trả số nợ này.

Hiện tại anh yêu cầu Tòa án buộc anh Trần Đình N và chị Trần Thị Kim H trả 03 chỉ vàng còn nợ, không yêu cầu tính lãi.

9. Trong quá trình tham gia tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Ngọc G trình bày:

Ông là đồng nghiệp của anh Trần Đình N và chị Trần Thị Kim H. Năm 2015, anh Trần Đình N và chị Trần Thị Kim H đã vay của ông số tiền 2.000.000 đồng. Cho đến nay, anh Trần Đình N và chị Trần Thị Kim H chưa trả số nợ này.

Hiện tại ông yêu cầu Tòa án buộc anh Trần Đình N và chị Trần Thị Kim H trả số tiền nợ 2.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

10. Trong quá trình tham gia tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Phạm Thị Đoan T3 trình bày:

Chị là đồng nghiệp của chị Trần Thị Kim H. Năm 2011, chị đã cho anh Trần Đình N và chị Trần Thị Kim H vay 01 chỉ vàng. Cho đến nay, anh Trần Đình N và chị Trần Thị Kim H chưa trả số nợ này.

Hiện tại chị yêu cầu Tòa án buộc anh Trần Đình N và chị Trần Thị Kim H trả số nợ 01 chỉ vàng.

11. Trong quá trình tham gia tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị H4 trình bày:

Bà là bác ruột của anh Trần Đình N. Năm 2011, bà đã cho anh Trần Đình N và chị Trần Thị Kim H vay 50.000.000 đồng, thời hạn vay 3 năm, mục đích để làm nhà. Việc vay nợ không có giấy biên nhận. Cho đến nay, anh Trần Đình N và chị Trần Thị Kim H đã trả được 5.200.000 đồng, còn nợ lại 44.800.000 đồng.

Hiện tại bà yêu cầu Tòa án buộc anh Trần Đình N và chị Trần Thị Kim H trả số tiền nợ 44.800.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

12. Trong quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo ủy quyền lại của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Ngân hàng tH mại cổ phần Phát triển thành phố Hồ Chí Minh) là ông Trần Minh Đ trình bày:

Ngân hàng tH mại cổ phần Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - chi nhánh NĐ (viết tắt là Ngân hàng HDBank NĐ) cho anh Trần Trung PH và chị Phạm Thị L1 vay tiền theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 17089/21MB/HĐTD ngày 19-8-2021, số tiền vay 600.000.000 đồng, mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh biển quảng cáo, thời hạn vay 12 tháng.

Biện pháp bảo đảm cho khoản vay: Ngân hàng HDBank NĐ và anh Trần Trung PH đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, được công chứng tại Văn phòng công chứng Trần Kim Tiên, số công chứng 2324, quyền số 01.2021 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19-8-2021. Tài sản thế chấp là thửa đất số 125, tờ bản đồ số 13.4, địa chỉ: Tổ dân phố số 5 Phú Ốc (nay là tổ dân phố số 3 Phú Ốc), phường Lộc Hòa, thành phố NĐ, tỉnh NĐ. Ngân hàng HDBank xác định chỉ nhận thế chấp quyền sử dụng thửa đất số 125, đồng thời có ghi nhận tài sản gắn liền với đất là nhà gạch. Đối với những công trình xây dựng trên đất, cụ thể là căn nhà 2,5 tầng không Tộc phạm vi thế chấp vì không có giấy phép xây dựng, chưa điều chỉnh trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Hiện tại, anh Trần Trung PH và chị Phạm Thị L1 mới trả được tổng số nợ gốc là 17.400.000 đồng và đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, tiền lãi theo hợp đồng tín dụng. Tuy nhiên Ngân hàng HDBank không nộp tiền tạm ứng án phí để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng với anh Trần Trung PH và chị Phạm Thị L1.

Tại phiên tòa, người đại diện của Ngân hàng HDBank có quan điểm sẽ giải quyết khoản nợ đứng tên của anh Trần Trung PH và chị Phạm Thị L1 theo quy định, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

13. Trong quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo ủy quyền lại của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Ngân hàng tH mại cổ phần Hàng Hải Việt N) là ông Bùi Đình Hùng trình bày:

Anh Trần Đình N vay của Ngân hàng tH mại cổ phần Hàng Hải Việt N (viết tắt là Ngân hàng Hàng Hải) theo hợp đồng cho vay số 21/2016/HĐCV ngày 14-01-2016, số tiền vay là 100.000.000 đồng, mục đích vay để mua sắm đồ gia dụng và sửa chữa nhà ở, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất theo từng thời kỳ, thanh toán gốc và tiền lãi phân kỳ hàng tháng, ngày trả gốc và lãi cuối cùng của anh N là ngày 21-12-2020. Biện pháp bảo đảm là tín chấp bằng lương của anh Trần Đình N tại Trường tiểu học Hồ Tùng Mậu. Tại thời điểm hiện tại, dư nợ gốc của anh Trần Đình N là 19.243.652 đồng, tiền lãi trong hạn phát sinh đến hết ngày 22-9-2023 là 12.843.695 đồng, lãi quá hạn là 4.986.447 đồng. Tổng số nợ là 37.073.794 đồng.

Hiện tại, Ngân hàng tH mại cổ phần Hàng Hải Việt N yêu cầu Tòa án buộc anh Trần Đình N và chị Trần Thị Kim H cùng phải có nghĩa vụ trả số nợ tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm là 37.073.794 đồng. Đồng thời tiếp tục phải chịu tiền lãi theo thỏa Tận tại hợp đồng là: Lãi trong hạn 15%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

14. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố ND đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Trần Thị T. Tuy nhiên chị Trần Thị T không đến Tòa án làm việc, không có lời khai trình bày quan điểm về các vấn đề liên quan đến việc mua bán đất ruộng.

15. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố ND đã yêu cầu chị Trần Thị Kim H và anh Trần Đình N cung cấp họ tên, địa chỉ cư trú hiện tại của những người khác có tên trong giấy thỏa Tận xác nhận các khoản nợ ngày 04-10-2017. Tuy nhiên cả chị Trần Thị Kim H và anh Trần Đình N đều không cung cấp được địa chỉ của bà L1, anh Thắng, bà Thông. Anh Trần Đình N chỉ cung cấp được 01 cuốn sổ ghi chép việc trả nợ cho bà Trần Thị L1, có chữ ký xác nhận, nhưng không có tài liệu nào khác chứng minh đó đúng là việc xác nhận trả nợ của bà L1 được ghi trong giấy thỏa Tận ngày 04-10-2017.

16. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố ND còn tiến hành T thập lời khai của những người làm chứng và các cơ quan liên quan. Cụ thể như sau:

- Bà Trần Thị Nguyệt có lời khai trình bày: Bà và ông Trần Đình Dị kết hôn năm 1981, đến năm 2004 thì ly hôn. Hai bên có 2 con chung là chị Trần Thị L2, sinh năm 1984 và chị Trần Thị T, sinh năm 1992 (hiện không rõ địa chỉ). Khi chưa ly hôn, gia đình bà có 2 thửa ruộng tại xã Lộc Hòa, thành phố ND, tỉnh ND. Bà không rõ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp mang tên ai. Sau khi vợ chồng ly hôn, ông Trần Đình Dị là người quản lý toàn bộ các thửa đất ruộng. Từ cuối năm 2007 đến đầu năm 2008 thì ông Trần Đình Dị và chị Trần Thị T đã bán toàn bộ số đất ruộng cho anh Trần Đình N và chị Trần Thị Kim H. Hiện tại bà Trần Thị Nguyệt không yêu cầu gì về quyền lợi đối với các thửa đất ruộng mà ông Trần Đình Dị đã bán.

Theo kết quả tra cứu tại Tòa án thể hiện: Tại bản án số 170/2005/HNGĐ-ST ngày 20-7-2005, Tòa án nhân dân thành phố ND đã giải quyết cho bà Trần Thị Nguyệt và ông Trần Đình Ry ly hôn. Về tài sản, Tòa án đã chia cho ông Trần Đình Ry sở hữu quyền sử dụng diện tích 1.099m² đất ruộng, tạm giao cho ông Trần Đình Ry sử dụng diện tích đất 159m² chưa hợp pháp và ông Trần Đình Ry có trách nhiệm làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Bà Trần Thị Quế có bản tự khai trình bày: Năm 2016, bà có cho vợ chồng anh Trần Đình N và chị Trần Thị Kim H vay số tiền 10.000.000 đồng để giải quyết việc gia đình. Đến năm 2018, chị Trần Thị Kim H đã trả xong cho bà số nợ này.

- Chị Trần Thị Kim Oanh có bản tự khai trình bày: Năm 2015, chị có cho vợ chồng anh Trần Đình N và chị Trần Thị Kim H vay số tiền 15.000.000 đồng để giải quyết việc gia đình. Sau này chị Trần Thị Kim H đã trả xong cho chị số nợ này.

- Bà Trần Thị Chải có bản tự khai trình bày: Năm 2016, bà có cho vợ chồng anh Trần Đình N và chị Trần Thị Kim H vay 02 cây vàng để giải quyết việc gia đình. Sau này chị Trần Thị Kim H đã trả nhiều lần, đến năm 2020 thì chị Trần Thị Kim H đã xong cho bà số nợ này.

- Bà Trần Thị T, tổ trưởng tổ tiết kiệm và vay vốn số 6 có bản tự khai trình bày: Vợ chồng anh Trần Đình N và chị Trần Thị Kim H có vay của Ngân hàng Chính sách xã hội số tiền 12.000.000 đồng theo CH trình nước sạch vệ sinh môi trường. Đến năm 2019, chị Trần Thị Kim H đã trả xong toàn bộ khoản vay này.

- Bà Trần Thị Liên có bản tự khai trình bày: Năm 2015, bà có cho vợ chồng anh Trần Đình N và chị Trần Thị Kim H vay số tiền 8.000.000 đồng. Đến năm 2018, chị Trần Thị Kim H đã trả xong cho bà số nợ này.

- Ông Trần Kim Vọng có bản tự khai trình bày: Năm 2015, ông có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ngân hàng để cho vợ chồng anh Trần Đình N và chị Trần Thị Kim H vay số tiền 50.000.000 đồng. Đến năm 2018, chị Trần Thị Kim H đã trả xong cho ông số nợ này.

- Bà Trần Thị Quyên có bản tự khai trình bày: Năm 2016, bà có cho vợ chồng anh Trần Đình N và chị Trần Thị Kim H vay số tiền 20.000.000 đồng. Đến năm 2018, chị Trần Thị Kim H đã trả xong cho bà số nợ này.

- Bà Đoàn Thị T H có bản tự khai trình bày: Năm 2000, bà có cho vợ chồng anh Trần Đình N và chị Trần Thị Kim H vay số tiền 15.000.000 đồng để làm căn nhà cấp 4. Đến năm 2002, anh Trần Đình N và chị Trần Thị Kim H đã trả xong cho bà số nợ này.

- Tại công văn số 44/UBND ngày 06-7-2023, Ủy ban nhân dân phường Lộc Hòa cung cấp:

Thửa ruộng số 40/1, tờ bản đồ số 3 của bản đồ giao ruộng 115 có diện tích 590m² tại khu Mỹ Đồng. Đã được Ủy ban nhân dân thành phố ND cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trần Trọng T theo Quyết định số 331-QĐ/UB ngày 20-7-1994. Thửa ruộng trên theo bản đồ địa chính năm 2005 là thửa số 143, tờ bản đồ số 13.4, diện tích 741,2m² là đất 2 lúa. Năm 2009, ông Trần Trọng T bán cho anh Trần Đình N một phần diện tích đất ruộng, hai bên có giấy chuyển nhượng viết tay.

Thửa ruộng số 40/2, tờ bản đồ số 3 của bản đồ giao ruộng 115 có diện tích 917m² tại khu Mỹ Đồng. Đã được Ủy ban nhân dân thành phố ND cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trần Đình Dị theo Quyết định số 331-QĐ/UB ngày 20-7-1994. Thửa ruộng trên theo bản đồ địa chính năm 2005 là thửa số 142, tờ bản đồ số 13.4, diện tích 836,6m² là đất 2 lúa. Năm 2007, ông Trần Đình Dị bán cho anh Trần Đình N một phần diện tích đất ruộng, hai bên có giấy chuyển nhượng viết tay.

Thửa đất số 169, tờ bản đồ số 13.4 bản đồ địa chính năm 2005 có nguồn gốc là thửa số 135, diện tích 349m² đất ở, bao gồm một phần diện tích đất của ông Trần Đình Dị tự vượt lập và một phần diện tích đất của thửa 40/1. Năm 2008 thửa số 135 được tách thành 2 thửa: Thửa số 135, diện tích 117,7m² đất ở, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị Trần Thị T; thửa số 169, diện tích 231,3m² đất ở, năm 2008 ông Trần Đình Dị bán cho anh Trần Đình N, hai bên có giấy chuyển nhượng viết tay. Thửa đất số 169 hiện nay mang tên anh Trần Đình N, không có ngõ đi vào thửa đất, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo hiện trạng đo đạc ngày 20-6-2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố ND xác định loại đất là đất trồng cây lâu năm.

* Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 412/2023/HNGĐ – ST ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố ND quyết định:

- Căn cứ Điều 121, Điều 122, Điều 127, Điều 128, Điều 137, Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 33, Điều 34, Điều 35, Điều 37, Điều 45, Điều 59, Điều 60, Điều 61, Điều 62 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Án lệ số 55/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 07-9-2022.

1. Chia tài sản chung sau khi ly hôn của chị Trần Thị Kim H và anh Trần Đình N như sau:

- Chị Trần Thị Kim H được sở hữu quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất Tộc thửa đất số 169, tờ bản đồ số 13.4, diện tích 213,3m²; địa chỉ: Phường Lộc Hòa, thành phố ND, tỉnh ND.

- Anh Trần Đình N được sở hữu toàn bộ phần công trình xây dựng là nhà 2,5 tầng và nhà kho nằm trên thửa đất số 125, tờ bản đồ số 13.4; địa chỉ: Tổ dân phố số 3 Phú Ốc, phường Lộc Hòa, thành phố ND, tỉnh ND.

2. Tuyên bố giao dịch mua bán đất ruộng ngày 26-4-2009 giữa ông Trần Trọng T và bà Trần Thị H1 với anh Trần Đình N và chị Trần Thị Kim H là vô hiệu.

- Buộc anh Trần Đình N và chị Trần Thị Kim H phải trả lại cho ông Trần Trọng T và bà Trần Thị H1 diện tích đất ruộng là 358m², Tộc thửa đất số 143, tờ bản đồ số 13.4; địa chỉ: Khu Mỹ Đồng, phường Lộc Hòa, thành phố NĐ, tỉnh NĐ. Ông Trần Trọng T và bà Trần Thị H1 được sở hữu các phần tường bao, các công trình xây dựng và cải tạo đất ruộng gắn liền với thửa đất.

Diện tích đất ruộng 358m² trả lại cho ông Trần Trọng T và bà Trần Thị H1 được giới hạn bởi các điểm 1,2,3,4,5,12,13,14,15,16,1 theo sơ đồ hiện trạng kèm theo bản án.

- Buộc ông Trần Trọng T và bà Trần Thị H1 phải trả cho chị Trần Thị Kim H số tiền 184.677.781 đồng (một trăm tám mươi bốn triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn bảy trăm tám mươi một đồng).

3. Tuyên bố giao dịch mua bán đất ruộng ngày 04-8-2007 giữa ông Trần Đình Dị với anh Trần Đình N và chị Trần Thị Kim H là vô hiệu.

- Buộc anh Trần Đình N và chị Trần Thị Kim H phải trả lại cho chị Trần Thị L2 diện tích đất ruộng là 836,6m², Tộc thửa đất số 142, tờ bản đồ số 13.4; địa chỉ: Khu Mỹ Đồng, phường Lộc Hòa, thành phố NĐ, tỉnh NĐ. Chị Trần Thị L2 được sở hữu các phần tường bao, các công trình xây dựng và cải tạo đất ruộng gắn liền với thửa đất.

Diện tích đất ruộng 836,6m² trả lại cho chị Trần Thị L2 được giới hạn bởi các điểm 5,6,7,8,9,10,11,12,5 theo sơ đồ hiện trạng kèm theo bản án.

- Buộc chị Trần Thị L2 phải trả cho chị Trần Thị Kim H số tiền 119.000.000 đồng (một trăm mười chín triệu đồng).

- Buộc chị Trần Thị L2 phải trả cho anh Trần Đình N số tiền 229.167.000 đồng (hai trăm hai mươi chín triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

4. Nghĩa vụ chung về tài sản:

4.1. Buộc chị Trần Thị Kim H phải trả các khoản nợ sau đây:

- Chị Trần Thị Kim H phải trả cho bà Trần Thị M và ông Trần Văn P số tiền 173.000.000 đồng (một trăm bảy mươi ba triệu đồng).

- Chị Trần Thị Kim H phải trả cho anh Trần Văn PH số tiền 10.500.000 đồng (mười triệu năm trăm nghìn đồng).

- Chị Trần Thị Kim H phải trả cho chị Phạm Thị Đoan T3 số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

- Chị Trần Thị Kim H phải trả cho ông Trần Ngọc G số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

4.2. Buộc anh Trần Đình N phải trả các khoản nợ sau đây:

- Anh Trần Đình N phải trả cho bà Trần Thị H4 số tiền 44.800.000 đồng (bốn mươi bốn triệu tám trăm nghìn đồng).

- Anh Trần Đình N phải trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng).

- Anh Trần Đình N phải trả cho chị Phạm Thị Đoan T3 số tiền 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng).

4.3. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Buộc anh Trần Đình N phải trả cho Ngân hàng tH mại cổ phần Hàng Hải Việt N số tiền nợ tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm (22-9-2023), bao gồm: Nợ gốc là 19.243.652 đồng, tiền lãi trong hạn là 12.843.695 đồng, lãi quá hạn là 4.986.447 đồng. Tổng cộng là 37.073.794 đồng (ba mươi bảy triệu không trăm bảy mươi ba nghìn bảy trăm chín mươi tư đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (23-9-2023), anh Trần Đình N còn phải chịu khoản tiền lãi, tiền phạt và các loại phí khác mà các bên đã thỏa Tận trong các Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ đối với Ngân hàng tH mại cổ phần Hàng Hải Việt N. Cụ thể như sau:

- Lãi suất trong hạn tính trên số nợ gốc: 15%/năm.

- Lãi suất quá hạn tính trên số nợ gốc bằng 150% lãi suất trong hạn.

6. Buộc anh Trần Đình N phải trả cho chị Trần Thị Kim H 1/2 chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 7.550.000 đồng (bảy triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

7. Án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Trần Thị Kim H phải nộp án phí chia tài sản chung, án phí đối với việc phải thanh toán các khoản nợ, án phí đối với việc tuyên bố hợp đồng vô hiệu, tổng cộng là 34.306.000 đồng (ba mươi tư triệu ba trăm lẻ sáu nghìn đồng). Được trừ số

tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung 13.090.000 đồng (mười ba triệu không trăm chín mươi nghìn đồng) đã nộp tại biên lai số 0005290 ngày 25-5-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố ND. Chị Trần Thị Kim H còn phải nộp án phí là 21.216.000 đồng (hai mươi một triệu hai trăm mười sáu nghìn đồng).

Anh Trần Đình N phải nộp án phí chia tài sản chung, án phí đối với việc phải thanh toán các khoản nợ, án phí đối với việc tuyên bố hợp đồng vô hiệu, tổng cộng là 29.291.000 đồng (hai mươi chín triệu hai trăm chín mươi một nghìn đồng).

Ông Trần Trọng T và bà Trần Thị H1 phải nộp án phí đối với việc tuyên bố hợp đồng vô hiệu và án phí tương ứng với số tiền phải trả khi giải quyết H4 quả hợp đồng vô hiệu, tổng cộng là 9.384.000 đồng (chín triệu ba trăm tám mươi tư nghìn đồng).

Chị Trần Thị L2 phải nộp án phí đối với việc tuyên bố hợp đồng vô hiệu và án phí tương ứng với số tiền phải trả khi giải quyết H4 quả hợp đồng vô hiệu, tổng cộng là 17.558.000 đồng (mười bảy triệu năm trăm năm mươi tám nghìn đồng).

* Ngày 03/10/2023 anh Trần Đình N kháng cáo bản án sơ thẩm. Lý do của việc kháng cáo: Tòa án nhân dân thành phố ND đã có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Cụ thể:

- Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh Trần Đình N và bà Nguyễn Thị C, ông Trần Trung PH (là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) đã yêu cầu Tòa án xác định số tiền 600.000.000 đồng mà ông Trần Trung PH vay của Ngân hàng HD Bank là khoản nợ chung của anh N và chị H nhưng Tòa án nhân dân thành phố ND đã không làm thủ tục thụ lý vụ án đối với yêu cầu phản tố của anh N, yêu cầu độc lập của bà C và anh PH.

- Theo nội dung Giấy chuyển nhượng nhà ở ngày 20/6/2017 thì anh N và chị H đã chuyển nhượng một ngôi nhà 02 tầng có tổng diện tích là 175m²; 156,9m² đất vườn; 1.227m² đất ruộng cho 03 con chung là các cháu Trần Linh Chi, Trần Bảo Trâm, Trần Trâm Anh, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã không đưa các cháu Chi, Trâm, Anh vào tham gia tố tụng.

- Xác minh, T thập, đánh giá chứng cứ chưa toàn diện, đầy đủ, chính xác: Tòa án nhân dân thành phố ND đã căn cứ vào Giấy thoả Tận ngày 04/10/2017 không có bất kỳ một giá trị pháp lý nào để làm “chứng cứ” buộc anh N phải trả nợ cho một số người có tên trong Giấy thoả Tận.

- Tòa án cấp sơ thẩm định giá đất ruộng thấp hơn giá thị trường. Anh N không đồng ý với việc giao toàn bộ đất vườn cho chị H, đề nghị Tòa án cấp P thẩm chia cho anh N và chị H bằng hiện vật (quyền sử dụng đất), mỗi người một nửa diện tích đất.

- Từ những lý do nêu trên, anh N yêu cầu Tòa án cấp P thẩm giải quyết hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

* Tại phiên tòa các đương sự vẫn giữ nguyên lời khai, quan điểm, yêu cầu như đã nêu trên.

Anh N rút một phần yêu cầu kháng cáo, cụ thể: Anh N rút yêu cầu kháng cáo về việc không đưa ba con chung vào tham gia tố tụng; rút yêu cầu kháng cáo về việc định giá đất ruộng.

Anh N đề nghị chấp nhận kháng cáo của anh, sửa bản án sơ thẩm về phần nợ chung của vợ chồng và chia tài sản bằng hiện vật.

Chị H không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của anh N, đề nghị Tòa án cấp P thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đối với thửa đất vườn không thể chia đôi vì không có lối đi, nếu anh N xin nhận hiện vật thì chị giao toàn bộ thửa đất vườn cho anh N sử dụng, anh N thanh toán chênh lệch giá trị cho chị.

Anh N không đồng ý nhận toàn bộ thửa đất vườn theo ý kiến của chị H nêu ra.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh ND phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 412/2023/HNGĐ – ST ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố ND. Đình chỉ xét xử P thẩm đối với phần rút kháng cáo của anh N.

- Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn làm trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự P thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn:

- Anh N cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng: Xét thấy trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh Trần Đình N và bà Nguyễn Thị C, anh Trần Trung PH (là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) đã yêu cầu Tòa án xác định số tiền 600.000.000 đồng mà anh Trần Trung PH vay của Ngân hàng HD Bank là khoản nợ chung của anh N và chị H nhưng không làm đơn yêu cầu phản tố và yêu cầu độc lập. Mặc dù không thụ lý riêng thành yêu cầu phản tố và yêu cầu độc lập nhưng Tòa án nhân dân thành phố ND đã xem xét giải quyết và không chấp nhận yêu cầu này của anh N, bà C và anh PH. Vì vậy vấn đề này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, nên không được chấp nhận.

- Anh N và chị H đều xác nhận năm 2017 anh chị mâu Tấn, sống ly thân, chị H làm đơn xin ly hôn nhưng lại rút đơn, thì anh chị có lập giấy thỏa Tân về tài sản và công nợ chung. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào Giấy thỏa Tân ngày 04/10/2017 để làm cơ sở buộc anh N và chị H phải trả nợ cho những người có tên trong Giấy thỏa Tân; những người cho vay tiền cũng có lời khai xác nhận phù hợp với các khoản nợ được ghi trong giấy thỏa Tân. Anh N cho rằng Giấy thỏa Tân do chị H giao nộp cho Tòa án không phải là Giấy thỏa Tân ngày 04/10/2017, vì không có chữ ký nháy của anh N vào từng T3, tuy nhiên anh N không đưa ra được căn cứ chứng minh nên không được chấp nhận. Mặt khác trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, anh N đều thừa nhận các khoản nợ trong Giấy thỏa Tân nợ là đúng. Vì vậy yêu cầu kháng cáo này của anh N không được chấp nhận.

- Đối với việc chia tài sản bằng hiện vật: Trên cơ sở hiện trạng tài sản chung và nhu cầu sử dụng của anh chị, Tòa án cấp sơ thẩm đã chia cho anh N được quyền sở hữu ngôi nhà 2,5 tầng và chia cho chị H được quyền sử dụng thửa đất vườn và tài sản gắn liền với đất là phù hợp, trị giá ngôi nhà chia cho anh N và thửa đất chia cho chị H là tương đương nhau; mặt khác diện tích đất vườn không lớn ($213,3m^2$), hình thể méo mó, không có lối đi, không Tân lợi cho việc chia tách, nếu chia tách cũng không Tân lợi cho quá trình canh tác sử dụng đất, vì vậy giao cho một người quản lý sử dụng là phù hợp. Anh N đề nghị chia hiện vật (đất) nhưng khi chị H đề nghị giao toàn bộ thửa đất vườn cho anh N sử dụng và anh N thanh toán chênh lệch giá trị cho chị H thì anh N lại không đồng ý. Vì vậy kháng cáo của anh N về vấn đề này không được chấp nhận.

- Về việc rút một phần kháng cáo của anh N: Xét việc rút một phần kháng cáo của anh N là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử sẽ đình chỉ xét xử P thẩm đối với phần kháng cáo đã rút.

[3] Những nội dung khác của vụ án các đương sự không kháng cáo, không có kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí P thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh N phải chịu án phí P thẩm theo quy định pháp luật,

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 289; khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử P thẩm đối với phần kháng cáo đã rút của anh Trần Đình N.

2. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Trần Đình N. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 412/2023/HNGĐ – ST ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố ND.

3. Án phí dân sự P thẩm: Anh Trần Đình N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai số 0000364 ngày 09/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố ND. Anh N đã nộp đủ án phí dân sự P thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án P thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh ND;
- TAND thành phố ND;
- Chi cục THADS thành phố ND;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ P THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Dũng

